

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 12 - 2022

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Lê Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 09 năm 2022, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2022/QĐST-HN ngày 19 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim S, sinh năm 1994 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 155 ấp B, xã T1, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê Hoàng Q, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 106/10/07 đường Đ, phường B1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/09/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị Kim S trình bày:*** Tôi và anh Lê Hoàng Q tự nguyện yêu thương nhau rồi về chung sống với nhau như vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 129 ngày 09/12/2016. Sau khi cưới vợ chồng sống tại gia đình bên chồng số 106/10/07 đường Lê Quý Đôn, phường An Bình, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 27/03/2020 thì tôi về nhà cha mẹ ruột tại số 155 ấp Bắc, xã Tân Thạnh, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn nhỏ, nhưng đến khi sinh người con thứ 03 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên. Do tính tình hai bên không hòa hợp, anh Q thường xuyên uống rượu cùng bạn bè qua đêm mới về còn nhiều lần kiểm chuyện chửi tôi. Ngoài ra giữa vợ chồng và gia đình bên chồng còn mâu thuẫn nhau trong vấn đề kinh tế gia đình không hòa giải được. Đến tháng 02/2019 vợ chồng đã ly thân nhưng đến nay không hàn gắn được. **Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi với anh Q không còn nên không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh Q.**

Về con chung: Chị Võ Thị Kim S xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Lê Thị Bích T, sinh ngày 10/01/2014 (hiện nay đang sống với chị S), Lê Thị Diễm M, sinh ngày 15/10/2016 và Lê Hoàng K, sinh ngày 12/02/2019 (Các con hiện nay đang sống với anh Q). Chị S yêu cầu được nuôi người con tên T, giao anh Q tiếp tục nuôi dưỡng người con tên M và K. Chị S không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, chị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng/01 người con x 02 người con = 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Kim S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim S xác định không còn tình cảm yêu thương với anh Q nữa và yêu cầu được ly hôn với anh Q; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung: Chị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Riêng anh Lê Hoàng Q không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên đã vi phạm Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của nguyên đơn chị S được ly hôn với anh Lê Hoàng Q. Về con chung: Lê Thị Bích T, sinh ngày 10/01/2014 (hiện nay đang sống với chị S), Lê Thị Diễm M, sinh ngày 15/10/2016 và Lê Hoàng K, sinh ngày 12/02/2019 (Các con hiện nay đang sống với anh Q) đề nghị hội đồng xét xử giao cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng người con tên T. Giao anh Q nuôi dưỡng người con tên Lê Thị Diễm M và Lê Hoàng K. Chị S không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị S.

Tài sản chung, nợ chung: Chị S xác định không có không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị Kim S khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Lê Hoàng Q và anh Q là bị đơn có nơi cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Hoàng Q không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị S tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh Q cố tình vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị S yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh Q theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh Q.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Kim S và anh Lê Hoàng Q được xác lập trên cơ sở tự nguyện; không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường An Bình, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 129 ngày 09/12/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị S và anh Q không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẽ, chị S xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến khi sinh người con thứ 03 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên. Do tính tình hai bên không hòa hợp, anh Q thường xuyên uống rượu cùng bạn bè qua đêm mới về còn nhiều lần kiểm chuyện chửi chị S và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Trong khoảng thời gian chị S, anh Q sống ly thân nhưng anh, chị vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh Q không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị S cũng như chứng cứ do chị S cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong khoảng thời gian giải quyết tại Tòa án anh Q không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, từ đó cho thấy anh Q không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng giữ anh và chị S. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh Q là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S đối với anh Q.

[5] Về quan hệ con chung: Chị S xác định vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Lê Thị Bích T, sinh ngày 10/01/2014 (hiện nay đang sống với chị S), Lê Thị Diễm M, sinh ngày 15/10/2016 và Lê Hoàng K, sinh ngày 12/02/2019 (Các con hiện nay đang sống với anh Q).

Chị S yêu cầu được nuôi dưỡng người con tên T. Mặc khác, theo nguyện vọng của cháu T cũng mong muốn được sinh sống cùng với mẹ (được thể hiện tại biên bản trình bày nguyện vọng ngày 15/10/2022). Đối với 02 người con tên M và K chị S giao cho anh Q nuôi dưỡng. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh Q cũng không có ý kiến phản đối gì về việc giao cho anh Q nuôi 02 người con, ngoài ra cháu M và K đã sinh sống với anh Q từ nhỏ, để không làm ảnh hưởng đến việc thay đổi môi trường sinh hoạt và phát triển về mọi mặt của các cháu do đó Hội đồng xét xử xét thấy, giao người con chung tên Lê Thị Bích T cho chị S nuôi dưỡng và giao cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Lê Thị Diễm M và Lê Hoàng K là phù hợp.

Chị S không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị Võ Thị Kim S cấp dưỡng mỗi tháng 500.000 đồng/01 người con x 02 người con = 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Kim S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Q không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh Q có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Kim S là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Ngoài ra, chị S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Kim S được ly hôn với anh Lê Hoàng Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Võ Thị Kim S tiếp tục nuôi dưỡng người con tên Lê Thị Bích T, sinh ngày 10/01/2014. Giao cho anh Lê Hoàng Q nuôi dưỡng 02 người con tên Lê Thị Diễm M, sinh ngày 15/10/2016 và Lê Hoàng K, sinh ngày 12/02/2019 cho đến khi các con đến tuổi trưởng thành. Chị S không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị Kim S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng/01 người con x 02 người con = 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày 10/01/2023 và ngày thực hiện tiếp theo là ngày 10 hàng tháng.

Anh Lê Hoàng Q và chị Võ Thị Kim S có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng hoặc yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G thực hiện.

Kể từ ngày anh Q có đơn yêu cầu Thi hành án nếu chị S không cấp dưỡng số tiền nêu trên thì hàng tháng chị S còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Kim S Trình xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Kim S phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị S được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000295 ngày 16/08/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, chị Võ Thị Kim S còn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Chị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/12/2022), anh Q vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh